TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 18- 01- 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2021/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 208/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266 - 268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Thạch Ngọc P, địa chỉ liên lạc: Số 549 đường Đ, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 70/2020/GUQ-CN.ĐBP ngày 26/3/2020). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ Bị đơn: Ông Võ Đăng K, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 04C đường P, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Thạch Ngọc P trình bày:

Ngày 25/8/2017 giữa ông Võ Đăng K và Ngân hàng TMCP S (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho ông K thẻ tín dụng số 436438 - 3027, loại thẻ: VS payWave Cre Platinum, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày 15/9/2017 đến 15/5/2019 ông K đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 852.035.895 đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán được 807.800.000 đồng thì ngưng không thanh toán, qua nhiều lần làm việc nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 29/8/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/01/2022 ông K còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 116.864.678 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 57.648.310 đồng, nợ lãi quá hạn 59.216.368 đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn là ông Võ Đăng K thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 19/01/2022 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2017 thể hiện bị đơn cư trú tại số 04C đường P, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào sổ đăng ký tạm trú tại Công an Phường B, quận G thì bị đơn có đăng ký tạm trú tại địa chỉ nêu trên nhưng thực tế qua xác minh bị đơn không còn cư trú, hiện địa chỉ trên là khu đất trống. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên địa chỉ số 04C đường Phan Văn Trị, Phường 07, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định sau khi được cấp thẻ bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 852.035.895 đồng và đã thanh toán được 807.800.000 đồng thì ngưng không thanh toán, tính đến ngày 18/01/2022 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 57.648.310 đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 2 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 29/8/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bị đơn sang nợ quá hạn, tính lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/01/2022 là có cơ sở; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 18/01/2022 là 59.216.368 đồng theo tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn trong suốt quá trình Toà giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt, không có ý kiến hoặc yêu cầu phản tố.

Xét thấy, việc các bên ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là hoàn toàn tự nguyện nhưng do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như thoả thuận giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín

dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 116.864.678 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; trong đó bao gồm nợ gốc 57.648.310 đồng, nợ lãi quá hạn 59.216.368 đồng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 5.843.234 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Võ Đăng K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 116.864.678 đồng (một trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng) ngay khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; trong đó bao gồm nợ gốc 57.648.310 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn 59.216.368 đồng (năm mươi chín triệu, hai trăm mười sáu nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Đăng K phải chịu án phí là 5.843.234 đồng (năm triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.736.944 đồng (một triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu số AA/2019/0026468 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 25/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên